

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HS-PT
Ngày 27 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám và ông Nguyễn Phước Hưng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hà Phương My - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê
Mai Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2025/TLPT- HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 đối với vụ án Lê Thị Cẩm H và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Võ Thanh D, Lê Văn T, Thái Minh T1, Huỳnh Văn B, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025; Quyết định sửa chữa bổ sung số: 21/2025/TB-TA, ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các bị cáo có kháng cáo gồm:

1. Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1977, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo hòa hảo; trình độ văn hóa: không; con ông Lê Văn A, sinh năm 1957 và bà Hồ Thị Cẩm D1, sinh năm 1957; chồng: Nguyễn Minh S, sinh năm 1969; có 02 người con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2017; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/01/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử về tội “Đánh bạc” xử phạt 10.000.000 đồng và án phí. Đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến ngày 24/9/2024, được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cầm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Châu Thị Diệu H1, sinh năm 1978, tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê;

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ văn hóa: 04/12; con ông Châu Văn R (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950; chồng: Nguyễn Văn H2, sinh năm 1975 (đã ly hôn); con: có 01 người sinh năm 1998; anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/12/2024, có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Thanh D, sinh năm 1978, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo hòa hảo; trình độ văn hóa: 02/12; con ông Võ Văn N, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị M (đã chết); vợ Nguyễn Thị Bích Đ1, sinh năm 1977 (đã ly hôn) có 02 con, lớn sinh năm 2000; nhỏ sinh năm 2008; anh chị em ruột: có 06 người bị cáo là người thứ hai; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/10/2014 bị Công an huyện N, thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 năm. Đã chấp hành xong;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/12/2024, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Văn T (Yến N1), sinh năm 1985, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: Phật giáo hòa hảo; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Lê Văn B1 (chết) và bà Phan Thị Ngọc T2 (chết); vợ, con: chưa; anh chị em ruột: có 09 người, bị cáo là người thứ bảy; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/12/2024, có mặt tại phiên tòa.

5. Thái Minh T1, sinh năm 1999, tại huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: 45/5, ấp C, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Thái Văn M1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1976; vợ: Phạm Thị Phi Y, sinh năm 2001; con: có 01 người sinh năm 2024; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là người thứ hai; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/12/2024, có mặt tại phiên tòa.

6. Huỳnh Văn B, sinh năm 1992, tại Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: số A, khu phố E, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lam thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 09/12; cha: không có; mẹ: Huỳnh Thị C, sinh năm 1964; vợ: Ngô Thị Bích H3, sinh năm 1991; con: có 02 người, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2024; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/12/2024, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/11/2020, nhận được tin báo của người dân, Đ3 - Công an huyện C kiểm tra tại khu vực đất của Nguyễn Văn N2 ở ấp K, xã K, có nhiều người tham gia đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền, khi phát hiện Công an đến thì nhiều người bỏ chạy, Công an kịp thời giữ được: Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Lê Văn T, Võ Thanh D, Thái Minh T1, Huỳnh Văn B, Lê Thanh T3, Đinh Hoàng N3, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Mỹ T4 ở sòng tài xỉu; ngoài ra, có Nguyễn Văn Thanh S1, Phan Văn T5, Phạm Văn T6, Lê Văn Đ2 chơi đá gà được thua bằng tiền, đã nghỉ trước đó. Qua điều tra, xác định:

- Lê Thị Cẩm H: Đặt cược tài xỉu 05 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thắng 01 ván, thì Công an bị bắt, thu giữ 6.499.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Châu Thị Diệu H1: Đặt cược tài xỉu 03 ván, từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thua 400.000 đồng, thì bị Công an bắt, thu giữ 600.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Lê Văn T: Đặt cược tài xỉu 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thì bị Công an bắt.

- Võ Thanh D: Đặt cược tài xỉu 01 ván 50.000 đồng, thua, thì bị Công an bắt, thu giữ 210.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Thái Minh T1: Đặt cược tài xỉu 04 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thua 400.000 đồng, thì bị Công an bắt, thu giữ 370.000 đồng dùng đánh bạc.

- Huỳnh Văn B: Đặt cược tài xỉu 05 ván, từ 100.000 đồng đến 250.000 đồng, thua 1.000.000 đồng, thì bị Công an bắt.

- Lê Thanh T3: Đặt cược tài xỉu 05 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thua 300.000 đồng, thì bị Công an bắt, thu giữ 4.140.000 đồng dùng đánh bạc (đã được khởi tố xử lý cùng với vụ án xảy ra ở xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và đã được xét xử xong).

- Đinh Hoàng N3 đặt cược tài xỉu 03 ván, từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng, thua 700.000 đồng, bị Công an thu giữ 40.000 đồng dùng đánh bạc; Nguyễn Thị Mỹ T4 tham gia đặt cược tài xỉu 03 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thua 100.000 đồng; Nguyễn Thị H4 đặt cược tài xỉu 03 ván, mỗi ván 50.000 đồng, thua 50.000 đồng, bị Công an thu giữ 210.000 đồng dùng đánh bạc. Đến nay, không xác định được lai lịch cụ thể của N3, T4, H4.

- Phan Văn T5, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn Thanh S1, Lê Văn Đ2: Tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà được thua bằng tiền với người lạ, chưa rõ lai lịch,

không tham gia chơi tài xỉu và đã nghỉ trước khi Công an đến bắt sòng tài xỉu. Công an thu giữ của T5 5.500.000 đồng, của Văn T6 2.500.000 đồng, không dùng đánh bạc.

- Võ Văn B2: Ngày 21/11/2020, đến quán nước gần khu vực sòng bạc để uống nước giải khát, không tham gia chơi tài xỉu và đá gà, bị Công an thu giữ 3.090.000 đồng không dùng đánh bạc.

* Vật chứng thu giữ: 01 hộp nhựa, 03 hột xí ngầu, 400.000 đồng, 01 xe mô tô; số tiền trên người 23.159.000 đồng (trong đó, của H 6.499.000 đồng, của H1 600.000 đồng, của D 210.000 đồng, của T1 370.000 đồng, của Thanh T3 4.140.000 đồng, của N3 40.000 đồng, của H4 210.000 đồng, của T5 5.500.000 đồng, của Văn T6 2.500.000 đồng, của Bừa 3.090.000 đồng). Công an đã xử lý xong.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C khởi tố Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Lê Văn T, Võ Thanh D, Huỳnh Văn B, Thái Minh T1 để điều tra xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSCM ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Lê Văn T, Võ Thanh D, Huỳnh Văn B, Thái Minh T1 phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025; Quyết định sửa chữa bổ sung số: 21/2025/TB-TA, ngày 31 tháng 3 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Võ Thanh D, Lê Văn T (Y), Thái Minh T1, Huỳnh Văn B phạm tội “*Đánh bạc*”;

Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm H 09 (chín) tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến ngày 24/9/2024.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Châu Thị Diệu H1 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Thanh D 08 (tám) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T (Y) 06 (sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thái Minh T1 06 (sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 06 (sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp án.

Ngoài ra bản án tính án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 14/3/2025, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 19/3/2025, bị cáo Châu Thị Diệu H1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Thái Minh T1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 20/3/2025, bị cáo Lê Thị Cẩm H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 24/3/2025, bị cáo Võ Thanh D có đơn kháng cáo xin được giảm mức hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Huỳnh Thanh B3 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do kháng cáo:

Bị cáo Lê Thị Cẩm H trình bày: Bị cáo do không biết chữ, phải nuôi cha mẹ già và con đang đi học.

Bị cáo Võ Thanh D trình bày: Bị cáo có tham gia hoạt động hội chuẩn trị y học tại địa phương từ năm 2022 cho đến nay.

Bị cáo Lê Văn T trình bày: Bị cáo phải nuôi em bị bệnh từ nhỏ, có xác nhận của địa phương.

Bị cáo Thái Minh T1 trình bày: Bị cáo có ông nội là Liệt sĩ, bà nội được Ủy ban nhân dân huyện H công nhận vợ Liệt sĩ gia đình cách mạng gương mẫu và là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ.

Bị cáo Châu Thị D2 trình bày: Bị cáo có mẹ già đang bị bệnh, phải chăm sóc.

Bị cáo Huỳnh Văn B trình bày: Bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu và có quan

điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung rõ ràng, trong hạn luật định nên có đủ cơ sở xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm H; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh D, Châu Thị Diệu H1, Huỳnh Văn B, Lê Văn T, Thái Minh T1 và sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm H 09 tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thanh D từ 06 tháng đến 07 tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Châu Thị Diệu H1, Huỳnh Văn B, Lê Văn T (Y), Thái Minh T1 mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, cùng về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo Châu Thị Diệu H1 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang; giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang; giao bị cáo Thái Minh T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; giao bị cáo Huỳnh Văn B cho Ủy ban nhân dân phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Võ Thanh D, Lê Văn T, Thái Minh T1, Huỳnh Thanh B3 làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Võ Thanh D, Lê Văn T (Y), Thái Minh T1, Huỳnh Văn B đã có hành vi tham gia đánh bạc bằng hình thức lặc tài xỉu được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc xác định được 12.469.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Võ Thanh D, Lê Văn T (Y), Thái Minh T1, Huỳnh Văn B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về tính chất vụ án:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh của đời sống xã hội. Các bị cáo phải biết đánh bạc là một tệ nạn bị xã hội lên án, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, việc đánh bạc trái pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội đánh bạc có tính chất đồng phạm, tuy nhiên không có sự câu kết chặt chẽ và phân công vai trò cụ thể của từng người nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, hơn nữa trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay các tội phạm có liên quan đến đánh bạc, tổ chức đánh bạc đang có chiều hướng gia tăng, đây là một trong những nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để xử phạt các bị cáo mức án là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[4.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm H: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xét xử cho bị cáo tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo kháng cáo không có tình tiết nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ y mức hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

[4.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Thanh D: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xét xử cho bị cáo tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên trong giai đoạn

xét xử phúc thẩm bị cáo D cung cấp tờ đơn xác nhận, từ năm 2022 đến nay bị cáo có tham gia hội chuẩn trị y học tại địa phương có xác nhận của trưởng ấp M, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Thanh D giảm mức hình phạt tù cho bị cáo 01 tháng tù, xử phạt bị cáo Võ Thanh D 07 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Về yêu cầu kháng cáo xin xin được hưởng án treo của bị cáo không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Châu Thị Diệu H1, Lê Văn T, Thái Minh T1, Huỳnh Văn B: Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện về vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, xét về điều kiện hoàn cảnh gia đình cũng như nhân thân của các bị cáo, nhận thấy trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: Bị cáo T cung cấp đơn xin được hưởng án treo có xác nhận địa phương có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn phải nuôi em bị bệnh và đơn thuốc tên Lê Thị Bé E ngày khám 15/3/2025; bị cáo T1 cung cấp ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, bà nội được Ủy ban nhân dân huyện H công nhận vợ Liệt sĩ gia đình cách mạng gương mẫu, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ; bị cáo B là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ; bị cáo H1 mẹ già bị bệnh cần chăm sóc. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian các bị cáo tại ngoại, các bị cáo không vi phạm pháp luật. Đây là các tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bên cạnh đó, tại phiên tòa các bị cáo có thể hiện hối hận và quyết tâm sửa chữa lỗi lầm. Do vậy, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội thực sự ăn năn hối cải và để tạo điều kiện cho các bị cáo ở địa phương lao động chân chân chính phụ giúp gia đình, nuôi dạy con cái và phụng dưỡng cha mẹ già, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, có thể giữ nguyên mức hình phạt tù như cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Thanh D; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Châu Thị Diệu H1, Lê Văn T, Thái Minh T1, Huỳnh Văn B.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phiên tòa phúc thẩm đồng quan điểm với Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị

kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo D, H1, T, B, T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm H. Giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo Lê Thị Cẩm H.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Thanh D về giảm hình phạt cho bị cáo Võ Thanh D.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Châu Thị Diệu H1, Lê Văn T (Y), Thái Minh T1, Huỳnh Văn B về giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang về phần hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Châu Thị Diệu H1, Võ Thanh D, Lê Văn T (Y), Thái Minh T1, Huỳnh Văn B phạm tội “*Đánh bạc*”;

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm H 09 (chín) tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”, được khấu trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến ngày 24/9/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Võ Thanh D 07 (bảy) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Châu Thị Diệu H1 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/5/2025).

Giao bị cáo Châu Thị Diệu H1 cho Ủy ban nhân dân V, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn T (Y) 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/5/2025).

Giao bị cáo Lê Văn T (Y) cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Thái Minh T1 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/5/2025).

Giao bị cáo Thái Minh T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/5/2025).

Giao bị cáo Huỳnh Văn B cho Ủy ban nhân dân phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thị Cẩm H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Châu Thị Diệu H1, Lê Văn T (Y), Huỳnh Văn B, Võ Thanh D, Thái Minh T1 không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm: 25/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Đã giải thích chế định treo cho các bị cáo).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao Tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới;
- Công an huyện Chợ Mới;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Toà Hình sự; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan

